

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2018/HNGĐ-ST

Ngày 10-8-2018

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Đông Thanh.

- Các hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền

Ông Nguyễn Văn Đồi

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lành - Thư ký TAND quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

Đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân quận Sơn Trà, tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hương Thu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 10/8/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 187/2017/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2017, về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 115/2017/QĐXX - ST ngày 11/12/2017; Quyết định hoãn phiên tòa số 81/2017/QĐST - HNGĐ ngày 29/12/2017; Quyết định tiếp tục đưa vụ án ra xét xử số 01/2018/QĐST – HNGĐ ngày 25/7/2018 và Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 187/2018/TB.TA ngày 25/7/2018; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Lê Phan Anh T**, sinh năm 1980; địa chỉ: Số 21 đường Đ, tổ 20 (nay là tổ 64) phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng. *Có mặt.*

- *Bị đơn:* Bà **Võ Thị Mỹ H**, sinh năm 1982; Nơi cư trú cuối cùng: Số 21 đường Đ, tổ 20 (nay là tổ 64) phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng. *Vắng mặt lần thứ 02.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 06/10/2016 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn ông Lê Phan Anh T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và bà Võ Thị Mỹ H xây dựng gia đình với nhau vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại UBND phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng. Hôn nhân tự nguyện. Vợ chồng sống hạnh phúc và sinh được 01 con chung tên Lê Uyên N, sinh ngày 28/8/2011. Đến đầu tháng 7 năm 2014 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do quan điểm sống và tính tình không hợp nên bà H đã bỏ con bỏ đi khỏi địa phương từ đó đến nay không ai biết tin tức về bà H. Tôi đã báo cáo với Công an phường, đồng thời cùng gia đình tìm kiếm khắp nơi nhưng không có kết quả, do đó tôi đã làm đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố bà H mất tích.

Ngày 17/01/2017, tại quyết định số 02/2017/QĐ-DSST của Tòa án nhân dân quận S đã quyết định tuyên bố bà Võ Thị Mỹ H mất tích. Nay xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm của tôi đối với bà H không còn, do đó tôi xin được ly hôn với vợ tôi là bà Võ Thị Mỹ H.

- Về quan hệ con chung: Tôi xác định giữa tôi và bà H có 01 con chung tên: Lê Uyên N, sinh ngày 28/8/2011. Hiện nay không biết ở đâu vì lúc bà H bỏ nhà đi khỏi địa phương có dẫn theo con chung.

- Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Tôi xác định giữa tôi và bà H không có.

**** Bị đơn bà Võ Thị Mỹ H được Tòa án niêm yết các văn bản tố tụng tại nơi cư trú cuối cùng của bà H nhưng không có tin tức gì của bà H nên không có lời khai của bà H trong hồ sơ vụ án.***

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư lý, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Theo đó việc thụ lý vụ án, tổ chức hòa giải, thu thập chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng và việc chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu của Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đều thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục

quy định của BLTTDS. Nguyên đơn chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật tổ tụng. Riêng đối với bị đơn bà H đã bị tuyên bố mất tích nên không đặt vấn đề chấp hành pháp luật tổ tụng của bà H.

Về nội dung : Xét thấy quan hệ hôn nhân của ông T và bà H đã thật sự trầm trọng nên cần áp dụng Điều 51; khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam cho ông T được ly hôn bà H;

Về con chung: Giữa ông T và bà H có 01 con chung tên Lê Uyên N, sinh ngày 28/8/2011. Hiện nay không biết ở đâu vì lúc bà H bỏ nhà đi khỏi địa phương có dẫn theo con chung nên không đề cập đến.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không đề cập đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

(1). Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp về hôn nhân và gia đình giữa bà ông Lê Phan Anh T và bà Võ Thị Mỹ H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Bà Võ Thị Mỹ H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bà Hạnh.

(2). Về nội dung vụ án:

Ông Lê Phan Anh T và bà Võ Thị Mỹ H xây dựng gia đình với nhau vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại UBND phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng. Hôn nhân tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Quá trình chung sống thì giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, thường xuyên cãi vã nhau. Đến tháng 7/2014, bà H dẫn theo con Lê Uyên N bỏ nhà đi biệt tích khỏi địa phương. Ông T đã tiến hành nhiều

biện pháp tìm kiếm nhưng vẫn không có tin tức gì của bà H. Ngày 01/8/2016, ông T làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân quận S tuyên bố bà H mất tích. Ngày 17 tháng 01 năm 2017, Tòa án nhân dân quận S đã ban hành quyết định giải quyết việc dân sự số 02/2017/QĐST-DS tuyên bố bà Võ Thị Mỹ H mất tích kể từ ngày quyết định phát sinh hiệu lực pháp luật. Từ đó đến nay vẫn không có tin tức gì của bà H và không thấy bà H trở về.

Tại phiên tòa hôm nay, ông T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn bà H. HĐXX xét thấy yêu cầu xin ly hôn của ông T là có cơ sở, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông T đối với bà H là thỏa đáng. Còn bà H đã được Tòa án niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng không đến, nên cần vận dụng khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự để xử lý là phù hợp.

Về quan hệ con chung: Ông T xác định giữa ông và bà H có 01 con chung tên: Lê Uyên N, sinh ngày 28/8/2011. Hiện nay không biết ở đâu vì lúc bà H bỏ nhà đi khỏi địa phương có dẫn theo con chung nên ông T làm đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố con chung Lê Uyên N mất tích. Ngày 20/6/2018, tại Quyết định số 09/2018/QĐDS – ST của TAND quận S đã tuyên bố cháu Lê Uyên N mất tích. Tại phiên tòa hôm nay, ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung. Tuy nhiên trong trường hợp con chung Lê Uyên N chưa đủ 18 tuổi trở về thì người giám hộ của cháu có quyền làm đơn yêu cầu hủy Quyết định tuyên bố một người mất tích đối với cháu, đồng thời giải quyết vấn đề con chung trong cùng một vụ án khi có yêu cầu.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Ông T xác định giữa ông và bà H không có (còn bà H không có lời khai) nên HĐXX không đề cập giải quyết.

(3). Về án phí: Ông T phải chịu 300.000 đồng án phí HNGĐ - ST theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Điều 51; khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết 366/2016/UBTVQH14 ban hành ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Ly hôn" của ông Lê Phan Anh T đối với bà Võ Thị Mỹ H.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Lê Phan Anh T được ly hôn bà Võ Thị Mỹ H.

2. Về quan hệ con chung: HĐXX không đề cập đến.

3. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: HĐXX không đề cập giải quyết.

4. Án phí HNGĐ-ST 300.000 đồng ông T phải chịu nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tại biên lai thu số 1958 ngày 06/10/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận S, thành phố Đà Nẵng. Ông Tuấn đã nộp đủ án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, ông T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà H vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết bản án tại nơi cư trú cuối cùng trước khi bà H bị tuyên bố mất tích.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự. người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người phải thi hành dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- Dương sự;
- Viện KSND quận S;
- Chi cục THADS quận S;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nguyễn Thị Đông Thanh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA